

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1291** /TTr-UBND

Quảng Bình, ngày **11** tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: HĐND tỉnh Quảng Bình.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; UBND tỉnh kính trình HĐND dự thảo Nghị quyết sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình như sau:

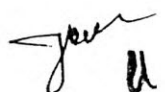
I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT:

1. Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cơ sở thực tiễn:



Thực hiện quy định của Luật Phí và Lệ phí; HĐND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Thời gian qua, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình, Văn phòng Đăng ký đất đai và Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện đã thực hiện công tác quản lý, sử dụng nguồn thu phí, lệ phí theo đúng quy định nêu trên.

Tuy nhiên, hiện nay, một số văn bản pháp lý đã thay đổi như Luật Đất đai, các nghị định, thông tư hướng dẫn các triển khai các luật, dẫn đến tên một số phí lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực tư pháp thay đổi.

Ngoài ra, từ năm 2021 đến nay năm 2025, mức lương cơ sở tăng 57% từ 1.490.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng. Đồng thời, chỉ số giá tiêu dùng các mặt hàng phục vụ hoạt động thu phí tăng cao (tương đương 5%) trong các năm gần đây cũng làm ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của tổ chức thu phí.

Thực hiện chủ trương xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách hành chính, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, theo đó quy định mức thu phí trực tuyến bằng 80% mức thu theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 (giảm 20% đối với hồ sơ nộp trực tuyến so với mức thu hồ sơ trực tiếp) phần nào làm ảnh hưởng đến nguồn thu phí của các đơn vị thu phí.

Với nguồn thu hạn chế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai chỉ đủ đáp ứng nhu cầu cơ bản chi lương và các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương và chi thường xuyên khác; chưa đáp ứng được các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ có tính đặc thù của đơn vị và chưa có nguồn hỗ trợ tăng thu nhập đảm bảo đời sống cho cán bộ, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị. Mặt khác, thực hiện lộ trình tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Văn phòng Đăng ký đất đai được giao tự chủ tài chính từ 98% năm 2024 lên tự chủ 100% chi thường xuyên năm 2025 (theo Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh).

Bên cạnh đó, so sánh mức thu phí hiện tại của địa phương so với các tỉnh lân cận, cơ quan soạn thảo tham chiếu với mức thu tại các tỉnh Quảng Trị, Hà Tĩnh, Thành phố Huế; về cơ bản mức thu phí hiện tại của tỉnh Quảng Bình thấp hơn nhiều với mức thu phí hiện hành tại các tỉnh lân cận.

Vì vậy, để đảm bảo nguồn kinh phí cho các tổ chức thu phí nhằm đảm bảo thu nhập ổn định cho cán bộ viên chức, đảm bảo kinh phí chi hoạt động thường xuyên, thực hiện lộ trình tự chủ, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực nhằm hướng tới “số hóa” trong lĩnh vực “đăng ký đất đai” theo chủ trương của Chính phủ; việc điều chỉnh mức thu, nộp các loại phí thuộc

phạm vi quản lý là điều hết sức cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Từ những căn cứ pháp lý và tình hình thực tế nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ phí quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết, phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh và đảm bảo cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn trong thời điểm hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ phí quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện hoạt động thu phí, lệ phí lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Xây dựng dự thảo Nghị quyết đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với quy định của pháp luật về Phí, lệ phí; các quy định pháp hiện hành và tình hình thực tế của tỉnh, đảm bảo tính khả thi sau khi Nghị quyết được ban hành.

Việc ban hành Nghị quyết sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ sở để tỉnh cân đối ngân sách địa phương, đảm bảo mục tiêu ổn định ngân sách theo Luật Ngân sách Nhà nước và định hướng của Chính phủ, đồng thời là cơ sở để đơn vị, địa phương lập kế hoạch thu chi, chủ động triển khai việc quản lý và sử dụng nguồn thu phí, lệ phí lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực tư pháp đúng quy định, giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà

nước theo lộ trình giảm hỗ trợ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Bình: Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Việc xây dựng Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí tại Công văn số 58/TTHĐND-VP ngày 21/4/2025.

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 1117/STP-XDKTVB ngày 21/4/2025 và được các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến.

Thực hiện Thông báo số 76/TB-TTHĐND ngày 02/6/2025 của Thường trực HĐND tỉnh về nội dung chuẩn bị kỳ họp thứ 22 (kỳ họp chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, hoàn thiện dự thảo Tờ trình UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhu cầu và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định hồ sơ để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 5 điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của



HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

+ Sửa đổi mức thu phí trực tiếp và trực tuyến đối với phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tại mục IV và mục IX, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 và mục III, mục VIII, phần C, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục I kèm theo)

+ Sửa đổi mức thu phí trực tiếp và trực tuyến đối với phí thuộc lĩnh vực tư pháp tại mục I và mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 và mục II, phần D, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục II kèm theo)

+ Sửa đổi mức thu lệ phí trực tiếp và trực tuyến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 và mục VI, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục III kèm theo)

- Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Điều 3. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết:

Sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

3.1 Sửa đổi mức thu phí trực tiếp và trực tuyến đối với phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tại mục IV và mục IX, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 và mục III, mục VIII, phần C, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục I kèm theo)

giam
thư

Bao gồm:

a) “Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” quy định tại mục IV, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND và mục III, Phần C, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Mục 1 điều chỉnh tăng 5% mức thu phí, giữ nguyên nội dung. Căn cứ mức bình quân chỉ số giá tiêu dùng 2 năm 2023, 2024 theo niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình (5%), điều chỉnh tăng 5% mức thu phí hiện hành.

- Các Mục 2, 3, 4 điều chỉnh tăng 62% mức thu phí do những biến động về chi phí đầu vào mức bình quân theo chỉ số giá tiêu dùng 2 năm 2023, 2024 theo niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình (5%); tỷ lệ tăng mức lương cơ sở từ năm 2021 là 1.490.000 đồng/tháng đến năm 2025 là 2.340.000 đồng/tháng (57%). Đề xuất điều chỉnh tăng 62% mức thu phí hiện hành.

- Bỏ phân chia mức thu xã, phường, cấp huyện lấy mức thu phí bình quân của “các phường...” và “các xã còn lại” làm mức thu chung cho các nội dung thu phí sau khi điều chỉnh. Phương pháp tính lấy mức thu phí bình quân (phường, thị trấn + xã) để điều chỉnh theo tỉ lệ tăng mức thu phí làm mức thu chung không phân biệt xã, phường, thị trấn.

b) “Phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai” quy định tại mục IX, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND và mục VIII, Phần C, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình.

- Phí tại Mục 1 sửa nội dung thu: “Trường hợp cung cấp từ 5 trang trở xuống” điều chỉnh thành “Trường hợp cung cấp từ 5 tờ trở xuống” để phù hợp với thực tế công việc và bỏ phần (*) gắn với nội dung ghi chú kèm theo biểu thu phí.

- Phí tại Mục 2, bỏ phần (**) gắn với nội dung ghi chú kèm theo biểu thu phí.

- Phí tại Mục 3 bỏ phần (***) gắn với nội dung ghi chú kèm theo biểu thu phí.

- Phí tại Mục 4 tăng 62% so với mức phí hiện hành và bỏ phần (***) gắn với nội dung ghi chú kèm theo biểu thu phí.

- Sửa nội dung Ghi chú thành:

“- Trường hợp khách hàng có nhu cầu in sao, nhân bản hồ sơ đã cung cấp thành nhiều bản, thì thu thêm 10.000 đồng/bản sao.

- Không thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với trường hợp cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan.”

3.2. Sửa đổi mức thu phí trực tiếp và trực tuyến đối với phí thuộc lĩnh vực tư pháp tại mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 và mục I, mục II, phần D, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục II kèm theo)

Gồm: “Phí đăng ký giao dịch bảo đảm” quy định tại mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND và mục II, Phần D, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Sửa lại tên gọi các nội dung thu phí phù hợp với quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ.

- Mục 1, 3, 4 điều chỉnh tăng mức thu 100%: Do mức thu phí quy định từ năm 2016 đến nay không thay đổi, trong khi mức lương cơ sở đã tăng 93,39% từ mức 1.210.000 đồng (năm 2016) lên 2.340.000 đồng (năm 2025) và chỉ số trượt giá hơn 5% và vẫn tổng hợp lại theo mẫu thu trực tiếp và trực tuyến để thống nhất theo mẫu chung.

- Mục 2 điều chỉnh mức thu phí bằng mức thu phí Mục 1 vì quy trình giải quyết thủ tục hành chính “Xóa đăng ký thế chấp” giống với quy trình giải quyết TTHC “Đăng ký thế chấp”.

- Mục 5 Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm giữ nguyên mức thu và sửa lại thành nội dung: “Ghi chú: - *Trường hợp khách hàng có nhu cầu bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm thành nhiều bản, thì thu thêm 25.000 đồng/bản sao.*”

- Giữ nguyên nội dung: *Các trường hợp sau đây được miễn nộp phí...*

3.3 Sửa đổi mức thu lệ phí trực tiếp và trực tuyến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 và mục VI, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục III kèm theo)

- Về nội dung thu: Sửa đổi nội dung thu lệ phí phù hợp với chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, không tổ chức cấp huyện và sáp nhập cấp tỉnh.

- Về mức thu: Lấy mức thu lệ phí bình quân của danh mục “các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; các thị trấn thuộc các huyện” và “các xã còn lại” để làm mức thu lệ phí mới.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH



Việc điều chỉnh quy định thu phí, lệ phí lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực tư pháp tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh sẽ ảnh hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Tăng mức thu phí góp phần tăng thu ngân sách hàng năm vừa đảm bảo nguồn kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thu phí chi cho hoạt động thu phí cũng như đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo lộ trình tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm sự phụ thuộc, sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng thu phí đảm bảo mức thu tương đương các tỉnh lân cận và để thực hiện chính sách về phí, lệ phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển một cách đồng bộ, thống nhất trên nhiều mặt, lĩnh vực liên quan, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển bền vững và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Nguồn nhân lực: Việc sửa đổi, bổ sung mức thu phí, lệ phí không gia tăng thủ tục hành chính và vẫn bảo đảm quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện, đảm bảo nguồn nhân lực theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết tại kỳ họp chuyên đề thứ 22 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ GIẢI TRÌNH THÊM:

Với dự kiến tăng mức thu phí, lệ phí như trên nguồn thu phí, lệ phí các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực tư pháp hàng năm sẽ tăng dẫn đến tăng nguồn thu ngân sách địa phương vừa đảm bảo nguồn kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thu phí. Nguồn thu phí để lại được dùng để chi cho hoạt động thu phí: chi tiền lương và các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương và hoạt động khác; các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ có tính đặc thù của đơn vị và nguồn hỗ trợ tăng thu nhập đảm bảo đời sống cho cán bộ, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị.

Các loại phí, lệ phí trên phần lớn thực hiện tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập, việc tăng nguồn thu nhằm đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện lộ trình đảm bảo tỉ lệ tự chủ 100% chỉ thường xuyên từ năm 2025 giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước theo đúng chủ trương, định hướng và lộ trình của Chính phủ đặt ra.

Cụ thể, dự kiến tổng nguồn thu phí tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh năm 2025 khi tăng mức thu phí so với số liệu thực hiện năm 2024 như sau:

TT	Nội dung	Năm 2024 (triệu đồng)	Dự kiến 2025 (triệu đồng)	Chênh lệch (triệu đồng)	Tỉ lệ % tăng so với năm trước
1	2	3	4	5=4-3	6=5/3*100
I	Nguồn thu phí, lệ phí	12.412	20.004	7.592	61,17
1	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng	9.898	14.667	4.769	48,18

gan

TT	Nội dung	Năm 2024 (triệu đồng)	Dự kiến 2025 (triệu đồng)	Chênh lệch (triệu đồng)	Tỉ lệ % tăng so với năm trước
	đất				
2	Phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai	544	553	9	1,65
3	Phí đăng ký giao dịch đảm bảo	1.970	4.784	2.814	142,84
II	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí	12.412	20.004	7.592	61,17
1	Nộp NSNN	2.482	4.001	1.518	61,17
2	Chi cho hoạt động thu phí	9.930	15.839	5.910	59,51
3	Trích quỹ dự phòng CCTL		164	164	

Hàng năm, tổng nguồn thu phí tăng 7.592 triệu đồng, số nộp ngân sách nhà nước tăng 1.518 triệu đồng và nguồn thu phí để lại đơn vị tăng 6.074 triệu đồng. Như vậy, tăng thu ngân sách hàng năm hơn 1,5 tỷ đồng đóng góp tăng trưởng kinh tế của tỉnh, đồng thời đảm bảo nguồn kinh phí cho các tổ chức thu phí nhằm đảm bảo thu nhập ổn định cho cán bộ viên chức, đảm bảo kinh phí chi hoạt động thường xuyên, thực hiện lộ trình tự chủ, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ được giao.

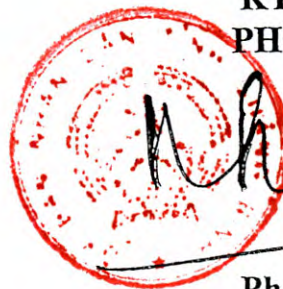
Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

(Xin gửi kèm theo Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và hồ sơ, tài liệu liên quan)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND TQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các sở: TC, NN&MT, TP;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Phong Phú

Phụ lục I

PHÍ THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 129/TT-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Bình)

A. PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Quy định tại mục IV, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 và mục III, phần C, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Danh mục thu phí hiện hành	TT	Danh mục thu phí điều chỉnh	Đơn vị tính	Mức thu trực tiếp hiện hành (đồng)	Mức thu trực tiếp điều chỉnh (đồng)	Chênh lệch mức thu (%)	Mức thu trực tuyến điều chỉnh (đồng)	Ghi chú
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu						
1.1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất	1.1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất						
a	Hộ gia đình, cá nhân	a	Hộ gia đình, cá nhân	đồng/hố sơ	300.000	315.000	5%	252.000	Điều chỉnh tăng 5% mức thu phí
b	Các tổ chức	b	Các tổ chức	đồng/hố sơ	3.000.000	3.150.000	5%	2.520.000	
	Riêng cơ sở tôn giáo; khối trường học, y tế, nhà văn hóa thuộc UBND cấp xã quản lý		Riêng cơ sở tôn giáo; khối trường học, y tế, nhà văn hóa thuộc UBND cấp xã quản lý	đồng/hố sơ	500.000	525.000	5%	420.000	
1.2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với các trường hợp còn lại	1.2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với các trường hợp còn lại						
a	Hộ gia đình, cá nhân	a	Hộ gia đình, cá nhân						
a.1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	a.1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/hửa/ GCN					

11/11

TT	Danh mục thu phí hiện hành	TT	Danh mục thu phí điều chỉnh	Đơn vị tính	Mức thu trực tiếp hiện hành (đồng)	Mức thu trực tiếp điều chỉnh (đồng)	Chênh lệch mức thu (%)	Mức thu trực tiếp điều chỉnh (đồng)	Ghi chú
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				375.000	350.000	5%	280.000	1. Điều chỉnh tăng 5% mức thu phí hiện hành. 2. Bỏ phần chia mức thu xã, phường, huyện. 3. Lấy mức thu phí bình quân của "các phường..." và "các xã còn lại" làm mức thu phí điều chỉnh.
	Các xã còn lại				300.000				
a.2	Cấp GCN về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	a.2	Cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/ GCN					
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				375.000	350.000	5%	280.000	
	Các xã còn lại				300.000				
a.3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	a.3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/ GCN					
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				525.000	500.000	5%	400.000	
	Các xã còn lại				410.000				
b.	Tổ chức	b.	Tổ chức						
b.1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp thực hiện theo Quyết định giao đất, công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất (Hồ sơ giao đất, cho thuê đất do Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế thăm định)	b.1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp thực hiện theo Quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất (Hồ sơ giao đất, cho thuê đất do Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế thăm định)	đồng/thửa/ GCN	150.000	160.000	5%	128.000	Điều chỉnh tăng 5% mức thu phí

g

TT	Danh mục thu phí hiện hành	TT	Danh mục thu phí điều chỉnh	Đơn vị tính	Mức thu trực tiếp hiện hành (đồng)	Mức thu trực tiếp điều chỉnh (đồng)	Chênh lệch mức thu (%)	Mức thu trực tuyến điều chỉnh (đồng)	Ghi chú
b.2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với các trường hợp còn lại	b.2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với các trường hợp còn lại						
	Các tổ chức		Các tổ chức	đồng/thửa/ GCN	450.000	470.000	5%	376.000	Điều chỉnh tăng 5% mức thu phí
	Cơ sở tôn giáo; khối trường học, y tế, nhà văn hóa thuộc UBND cấp xã quản lý		Cơ sở tôn giáo; khối trường học, y tế, nhà văn hóa thuộc UBND cấp xã quản lý	đồng/thửa/ GCN	200.000	210.000	5%	168.000	
2	Cấp đổi, cấp lại GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	2	Cấp đổi, cấp lại GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất						
2.1	Hộ gia đình, cá nhân	2.1	Hộ gia đình, cá nhân						1. Điều chỉnh tăng 62% mức thu phí hiện hành. 2. Bỏ phân chia mức thu xã, phường, huyện. 3. Lấy mức thu phí bình quân của "các phường..." và "các xã còn lại" làm mức thu phí điều chỉnh.
a	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	a	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa/ GCN					
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				190.000	280.000	62%	224.000	
	Các xã còn lại				150.000				
b	Cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	b	Cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/ GCN					
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				190.000	280.000	62%	224.000	
	Các xã còn lại				150.000				
c	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác	c	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác	đồng/thửa/ GCN					



TT	Danh mục thu phí hiện hành	TT	Danh mục thu phí điều chỉnh	Đơn vị tính	Mức thu trực tiếp hiện hành (đồng)	Mức thu trực tiếp điều chỉnh (đồng)	Chênh lệch mức thu (%)	Mức thu trực tuyến điều chỉnh (đồng)	Ghi chú
	gắn liền với đất		sản khác gắn liền với đất						
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				300.000	410.000	62%	328.000	
	Các xã còn lại				200.000				
2.2	Tổ chức	2.2	Tổ chức						
	Các tổ chức		Các tổ chức	đồng/thửa/ GCN	220.000	360.000	62%	288.000	Điều chỉnh tăng 62% mức thu phí
	Riêng Cơ sở tôn giáo; khối trường học, y tế, nhà văn hóa thuộc UBND cấp xã quản lý			đồng/thửa/ GCN	100.000	160.000	62%	128.000	
3	Cấp mới GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	3	Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất						
3.1	Hộ gia đình, cá nhân	3.1	Hộ gia đình, cá nhân						
a	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	a	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa/ GCN					
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				220.000	300.000	62%	240.000	1. Điều chỉnh tăng 62% mức thu phí hiện hành. 2. Bỏ phân chia mức thu xã, phường, cấp huyện. 3. Lấy mức thu phí bình quân của "các phường..."
	Các xã còn lại				150.000				
b	Cấp GCN về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	b	Cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/ GCN					
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				220.000	300.000	62%	240.000	
	Các xã còn lại				150.000				

TT	Danh mục thu phí hiện hành	TT	Danh mục thu phí điều chỉnh	Đơn vị tính	Mức thu trực tiếp hiện hành (đồng)	Mức thu trực tiếp điều chỉnh (đồng)	Chênh lệch mức thu (%)	Mức thu trực tuyến điều chỉnh (đồng)	Ghi chú
c	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	c	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/ GCN					và "các xã còn lại" làm mức thu phí điều chỉnh.
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				300.000	420.000	62%	336.000	
	Các xã còn lại				220.000				
3.2.	Tổ chức	3.2.	Tổ chức	đồng/thửa/ GCN	300.000	490.000	62%	392.000	Điều chỉnh tăng 62% mức thu phí
4	Chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp	4	Chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp						
4.1	Hộ gia đình, cá nhân	4.1	Hộ gia đình, cá nhân						
a	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	a	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa/ GCN					
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				110.000	150.000	62%	120.000	
	Các xã còn lại				80.000				
b	Cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	b	Cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/ GCN					
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				110.000	150.000	62%	120.000	
	Các xã còn lại				80.000				
c	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	c	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/ GCN					
	Các phường thuộc TP Đồng Hới, thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện				150.000	210.000	62%	168.000	
	Các xã còn lại				110.000				

1. Điều chỉnh tăng 62% mức thu phí hiện hành.
2. Bỏ phân chia mức thu xã, phường, huyện.
3. Lấy mức thu phí bình quân của "các phường..." và "các xã còn lại" làm mức thu phí điều chỉnh.

TT	Danh mục thu phí hiện hành	TT	Danh mục thu phí điều chỉnh	Đơn vị tính	Mức thu trực tiếp hiện hành (đồng)	Mức thu trực tiếp điều chỉnh (đồng)	Chênh lệch mức thu (%)	Mức thu trực tiếp điều chỉnh (đồng)	Ghi chú
4.2	Tổ chức	4.2	Tổ chức	đồng/thửa/ GCN	150.000	250.000	62%	200.000	Điều chỉnh tăng 62% mức thu phí

B. PHÍ KHAI THÁC SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI (Quy định tại mục IX, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND và mục VIII, phần C, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

TT	Danh mục thu phí hiện hành	TT	Danh mục thu phí điều chỉnh	Đơn vị tính	Mức thu trực tiếp hiện hành (đồng)	Mức thu trực tiếp điều chỉnh (đồng)	Chênh lệch mức thu (%)	Mức thu trực tiếp điều chỉnh (đồng)	Ghi chú
1	Khai thác và sử dụng thông tin, hồ sơ, tài liệu về đất đai từ cơ sở đất đai và hồ sơ địa chính	1	Khai thác và sử dụng thông tin, hồ sơ, tài liệu về đất đai từ cơ sở dữ liệu đất đai và hồ sơ địa chính	đồng/hồ sơ (*)	500.000	500.000	0	400.000	Giữ nguyên nội dung và mức thu phí
	Trường hợp cung cấp từ 5 trang trở xuống		Trường hợp cung cấp từ 5 tờ trở xuống	đồng/hồ sơ (*)	430.000	430.000	0	344.000	1. Sửa "Trường hợp cung cấp từ 5 trang trở xuống" thành "Trường hợp cung cấp từ 5 tờ trở xuống" 2. Bỏ phần (*)
2	Trích sao bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính	2	Trích sao bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính						
	- Cỡ giấy A4		- Cỡ giấy A4	đồng/tờ (**)	70.000	70.000	0	56.000	Bỏ phần (**)
	- Cỡ giấy A3		- Cỡ giấy A3	đồng/tờ (**)	90.000	90.000	0	72.000	Bỏ phần (**)

Ghi chú điều chỉnh:

- Trường hợp khách hàng có nhu cầu in sao, nhân bản hồ sơ đã cung cấp thành nhiều bản, thì thu thêm 10.000 đồng/bản sao.

- Không thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với trường hợp cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng cơ quan.

Phụ lục II

PHÍ THUỘC LĨNH VỰC TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 4291/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Nội dung thu phí hiện hành	TT	Nội dung thu phí đề nghị điều chỉnh	Đơn vị tính	Mức thu phí hiện hành (đồng)	Mức thu phí tiếp điều chỉnh (đồng)	Mức thu phí trực chỉnh (đồng)	Ghi chú
I	PHÍ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM (Quy định tại mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND và mục II, phần D, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)							
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm lần đầu	1	Đăng ký thế chấp (bao gồm trường hợp thế chấp tài sản hình thành trong tương lai)	Hồ sơ/ thừa/ GCN	80.000	160.000	128.000	Điều chỉnh tăng 100% mức thu phí
2	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	2	Xóa đăng ký thế chấp	Hồ sơ/ thừa/ GCN	20.000	160.000	128.000	Điều chỉnh mức thu phí bằng mức thu phí Mục 1.
3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	3	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	Hồ sơ/ thừa/ GCN	60.000	120.000	96.000	Điều chỉnh tăng 100% mức thu phí
4	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản đảm bảo	4	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	Hồ sơ/ thừa/ GCN	30.000	60.000	48.000	Điều chỉnh tăng 100% mức thu phí

TT	Nội dung thu phí hiện hành	TT	Nội dung thu phí đề nghị điều chỉnh	Đơn vị tính	Mức thu phí hiện hành (đồng)	Mức thu phí tiếp tếp điều chỉnh (đồng)	Mức thu phí trực tuyến điều chỉnh (đồng)	Ghi chú
5	Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm		Ghi chú: - Trường hợp khách hàng có nhu cầu bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm thành nhiều bản, thì thu thêm 25.000 đồng/bản sao.					Sửa lại thành Ghi chú để áp dụng chung cho các Mục thu phí trên



Phụ lục III
LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
(Ban hành kèm theo Tờ trình số 19/TT-Tr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Bình)

(Quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND và mục VI, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Nội dung thu	ĐVT	Mức thu lệ phí trực tiếp hiện hành			Mức thu lệ phí trực tiếp đề nghị điều chỉnh		Giải trình		
			Hộ gia đình, cá nhân		Tổ chức	Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức			
			Các phường thuộc TP Đồng Hới; Các phường thuộc thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện	Các xã còn lại						
I	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu								1. Bỏ phân chia mức thu phí đối với xã, phường, các huyện (hộ gia đình, cá nhân); 2. Lấy mức thu lệ phí bình quân của nội dung “các phường...” và “các xã còn lại” làm mức thu lệ phí mới	
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa /GCN	50.000	30.000	100.000	40.000	100.000	32.000		80.000
2	Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa /GCN	50.000	30.000	100.000	40.000	100.000	32.000		80.000
3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa /GCN	100.000	50.000	300.000	80.000	300.000	64.000		240.000

g

TT	Nội dung thu	ĐVT	Mức thu lệ phí trực tiếp hiện hành		Mức thu lệ phí trực tiếp để nghị điều chỉnh	Mức thu lệ phí trực tuyến để nghị điều chỉnh	Giải trình			
			Hộ gia đình, cá nhân	Các phường thuộc TP Đồng Hới; Các phường thuộc thị xã Ba Đồn; Các thị trấn thuộc các huyện						
II	Cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất						1. Bỏ phân chia mức thu phí đối với xã, phường, các huyện (hộ gia đình, cá nhân); 2. Lấy mức thu lệ phí bình quân của nội dung "các phường..." và "các xã còn lại" làm mức thu lệ phí mới			
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa /GCN	30.000	20.000	50.000	30.000		50.000	24.000	40.000
2	Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa /GCN	30.000	20.000	50.000	30.000		50.000	24.000	40.000
3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa /GCN	50.000	30.000	150.000	40.000		150.000	32.000	120.000
III	Chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp	đồng/thửa /GCN	30.000	20.000	50.000	30.000		50.000	24.000	40.000

Các trường hợp sau đây được miễn nộp lệ phí:

1. Trường hợp thay đổi tên đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Đăng ký biến động đối với trường hợp hiện đất để xây dựng các công trình công cộng, phúc lợi xã hội.



Số: /2025/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng 6 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ phí quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 1291/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh trình Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí, lệ phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh quy định tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

HĐND ban hành Nghị quyết sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ phí quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 1. Sửa đổi mức thu phí, lệ phí trực tiếp và trực tuyến đối với một số loại phí, lệ quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu và sửa đổi tỷ lệ để lại đơn vị thu phí đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

1. Sửa đổi mức thu phí trực tiếp và trực tuyến đối với phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tại mục IV và mục IX, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 và mục III, mục VIII, phần C, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục I kèm theo)

2. Sửa đổi mức thu phí trực tiếp và trực tuyến đối với phí thuộc lĩnh vực tư pháp tại mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 và mục II, phần D, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục II kèm theo)

3. Sửa đổi mức thu lệ phí trực tiếp và trực tuyến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 và mục VI, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

HĐND tỉnh giao UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày...tháng...năm...

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, NN&MT, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Phụ lục I
(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

PHÍ THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu phí trực tiếp (đồng)	Mức thu phí trực tuyến (đồng)
I	PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT			
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu			
1.1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất			
a	Hộ gia đình, cá nhân	đồng/hồ sơ	315.000	252.000
b	Các tổ chức	đồng/hồ sơ	3.150.000	2.520.000
	Riêng cơ sở tôn giáo; khối trường học, y tế, nhà văn hóa thuộc UBND cấp xã quản lý	đồng/hồ sơ	525.000	420.000
1.2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với các trường hợp còn lại			
a	Hộ gia đình, cá nhân			
	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa/GCN	350.000	280.000
	Cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/GCN	350.000	280.000
	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/GCN	500.000	400.000
b.	Tổ chức			
b.1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp thực hiện theo Quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất (Hồ sơ giao đất, cho thuê đất do Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế thẩm định)	đồng/thửa/GCN	160.000	128.000
b.2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với các trường hợp còn lại			

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu phí trực tiếp (đồng)	Mức thu phí trực tuyến (đồng)
	Các tổ chức	đồng/thửa/GCN	470.000	376.000
	Cơ sở tôn giáo; khối trường học, y tế, nhà văn hóa thuộc UBND cấp xã quản lý	đồng/thửa/GCN	210.000	168.000
2	Cấp đổi, cấp lại GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất			
2.1	Hộ gia đình, cá nhân			
	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa/GCN	280.000	224.000
	Cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/GCN	280.000	224.000
	Cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/GCN	410.000	328.000
2.2	Tổ chức			
	Các tổ chức	đồng/thửa/GCN	360.000	288.000
	Riêng Cơ sở tôn giáo; khối trường học, y tế, nhà văn hóa thuộc UBND cấp xã quản lý	đồng/thửa/GCN	160.000	128.000
3	Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất			
3.1	Hộ gia đình, cá nhân			
	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa/GCN	300.000	240.000
	Cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/GCN	300.000	240.000
	Cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/GCN	420.000	336.000
3.2.	Tổ chức	đồng/thửa/GCN	490.000	392.000
4	Chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp			
4.1	Hộ gia đình, cá nhân			
	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa/GCN	150.000	120.000
	Cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/GCN	150.000	120.000
	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa/GCN	210.000	168.000
4.2	Tổ chức	đồng/thửa/GCN	250.000	200.000

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu phí trực tiếp (đồng)	Mức thu phí trực tuyến (đồng)
Ghi chú: 1. Đơn vị tính: “Thửa/giấy chứng nhận” được tính cho 01 thửa đất cấp 01 giấy chứng nhận. 2. Trường hợp cấp 01 giấy chứng nhận cho 01 thửa đất nhưng khi đăng ký bổ sung tài sản trên đất mà phải in nhiều giấy chứng nhận thì mỗi giấy chứng nhận thu thêm 50.000 đồng/giấy chứng nhận. 3. Trường hợp nhiều thửa đất được cấp cùng trên 01 giấy chứng nhận thì từ thửa thứ 02 trở đi mỗi thửa thu thêm 150.000 đồng/thửa. 4. Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân cùng sử dụng, mỗi giấy chứng nhận được cấp cho mỗi người cùng sử dụng thì thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận. 5. Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất: - Mức thu trên áp dụng cho thửa đất thứ nhất đến thửa đất thứ năm; - Từ thửa đất thứ sáu trở đi, thu 50.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.				
IX	PHÍ KHAI THÁC SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI			
1	Khai thác và sử dụng thông tin, hồ sơ, tài liệu về đất đai từ cơ sở dữ liệu đất đai và hồ sơ địa chính	đồng/hồ sơ	500.000	400.000
	Trường hợp cung cấp từ 5 tờ trở xuống	đồng/hồ sơ	430.000	344.000
2	Trích sao bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính			
	- Cờ giấy A4	đồng/tờ	70.000	56.000
	- Cờ giấy A3	đồng/tờ	90.000	72.000
3	Bản đồ dạng số Vector gồm: Bản đồ phân hạng đất; bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ đất, bản đồ địa chính, bản trích đo, chỉnh lý địa chính.	đồng/mảnh bản đồ	110.000	88.000
4	Cung cấp bản xác nhận thông tin, dữ liệu đất đai tổng hợp từ bản đồ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai hoặc hồ sơ địa chính	đồng/thửa	80.000	65.000
Ghi chú: - Trường hợp khách hàng có nhu cầu in sao, nhân bản hồ sơ đã cung cấp thành nhiều bản, thì thu thêm 10.000 đồng/bản sao. - Không thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với trường hợp cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan.”				

Phụ lục II
(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

PHÍ THUỘC LĨNH VỰC TƯ PHÁP

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu phí trực tiếp (đồng)	Mức thu phí trực tuyến (đồng)
II	PHÍ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM			
1	Đăng ký thế chấp (bao gồm trường hợp thế chấp tài sản hình thành trong tương lai)	Hồ sơ/thửa/GCN	160.000	128.000
2	Xóa đăng ký thế chấp	Hồ sơ/thửa/GCN	160.000	128.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	Hồ sơ/thửa/GCN	120.000	96.000
4	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	Hồ sơ/thửa/GCN	60.000	48.000

Ghi chú: Trường hợp khách hàng có nhu cầu bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm thành nhiều bản, thì thu thêm 25.000 đồng/bản sao.

Phụ lục III
LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN
SỞ HỮU NHÀ VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Nội dung thu	ĐVT	Mức thu lệ phí trực tiếp (đồng)		Mức thu lệ phí trực tuyến (đồng)	
			Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức	Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức
I	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu					
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa /GCN	40.000	100.000	32.000	80.000
2	Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa /GCN	40.000	100.000	32.000	80.000
3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa /GCN	80.000	300.000	64.000	240.000
II	Cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất					
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/thửa /GCN	30.000	50.000	24.000	40.000
2	Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa /GCN	30.000	50.000	24.000	40.000
3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/thửa /GCN	40.000	150.000	32.000	120.000
III	Chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp	đồng/thửa /GCN	30.000	50.000	24.000	40.000

Các trường hợp sau đây được miễn nộp lệ phí:

- Trường hợp thay đổi tên đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Đăng ký biến động đối với trường hợp hiến đất để xây dựng các công trình công cộng, phúc lợi xã hội.